

Cuộc hội thảo về đề tài chống lạm phát, mã số KX03.10 tại trường Đại học Tài chính Kế toán ngày 9.2.1993 đã thu thập được rất nhiều ý kiến phong phú. Điều thông thường là có một số ý kiến khác nhau. Có sự khác nhau là do góc độ nhìn khác nhau, những ý kiến như vậy bổ sung cho nhau để có một cái nhìn toàn diện hơn. Nhưng cũng có sự khác nhau do khác quan điểm, nói cách khác là dựa trên những cơ sở lý luận khác nhau với những luận cứ khoa học khác nhau. Cho nên đi vào những ý kiến khác nhau rất có cơ may tìm ra chân lý như ngôn ngữ Pháp có câu "Từ tranh luận, ánh sáng lóe ra".

1. Có phải mọi sự tăng giá đều là lạm phát không?

Đây là vấn đề quá khứ đã và tương lai sẽ đặt ra cho ta như một bài toán hóc hiểm. Có ý kiến cho rằng Nhà nước tăng giá không phải là nguyên nhân làm tăng lạm phát. Tôi cho rằng không phải sự tăng giá nào cũng là lạm phát, nhưng cũng có ý kiến cho rằng cứ tăng giá là lạm phát. Trong tương lai gần chúng ta sẽ vấp phải những loại tăng giá sau đây:

- Nhà nước tăng giá để xóa bao cấp như tăng giá điện, nước.

- Nước ngoài tăng giá để xóa bất công về trật tự giá cả quốc tế tương tự như việc tăng giá dầu lửa lên 4 lần trong cuộc chiến tranh dầu lửa 1973.

- Sự xâm nhập của giá sinh hoạt quốc tế kể cả giá nhà đất như cơn sốt nhà đất hiện vẫn đang còn diễn ra, đẩy giá cả cực thấp trong nước lên.

- Tiền lương sẽ tăng từ mức lương bao cấp dưới giá trị sức lao động lên mức lương của thị trường sức lao động tất yếu sẽ hình thành theo kinh tế thị trường như các chợ lao động đang tự phát nảy sinh ở nông thôn và cả thành

TÌM RA CHÂN LÝ QUA NHỮNG Ý KHÁC NHAU

VŨ NGỌC NHUNG



thị miền Bắc.

Ý kiến cho Nhà nước nâng giá là nguyên nhân gây lạm phát không đưa ra một luận cứ khoa học nào mà chỉ nói lướt qua ở bài viết, ý "cứ tăng giá là lạm phát" cũng vậy. Vì thế chỉ có thể bàn luận về luận cứ khoa học của ý ngược lại:

- Nhà nước tăng giá mà không làm ảnh hưởng đến quan hệ giữa tổng cung và tổng cầu thì mặt bằng giá không đổi. Tôi rất tán thành luận cứ này và thấy thêm rằng trong mọi trường hợp tăng giá để xóa giá bao cấp có nghĩa là đưa giá cả lên đúng với giá trị của nó thì việc tăng giá đó không phải do lạm phát gây ra. Nếu chúng ta chưa tri bằng các giải pháp chống lạm thì chẳng khác gì đem thuốc sốt rét để chữa sốt thương hàn và

thực tế đã chứng minh nước Mỹ đã hai lần thất bại tiền tệ để chống lạm phát chi phí đẩy do giá dầu lửa tăng lên sau hai cú choáng dầu lửa vào thập niên 70. Kết quả là suy thoái rồi suy thoái sâu sắc. Chắc chắn là không một quan chức tiền tệ nào ở nước Mỹ có thể chứng minh được rằng thất bại tiền tệ có thể hay đã làm hạ giá dầu lửa xuống.

Tôi đã viết báo nêu lên nghi vấn khoa học về khái niệm "Lạm phát chi phí đẩy" nhưng chưa nhận được ý kiến phản biện nào để làm cho luận cứ về vấn đề này có tính khoa học cao hơn. Điều mà ai cũng nhận rõ là trình độ kinh tế học hiện nay thua xa y học về luận cứ khoa học và ngay cả về mô tả các triệu chứng đặc trưng của từng

loại lạm phát khác nhau. Tôi cho rằng chi phí đẩy, lương tăng cao hơn mức tăng năng suất lao động, thể là nguyên nhân gây lạm phát chi phí đẩy. Trong trường hợp này đối tượng lương là giải pháp kèm chế lạm phát thất bại. Cần phải xác định cái triệu chứng đặc trưng của lạm phát chi phí đẩy để tránh sự ngộ nhận cho rằng chi phí đẩy, tổng giá trị hàng hóa tăng lên cũng là nguyên nhân gây nên lạm phát. Trong trường hợp này giá cả tăng lên do năng suất lao động khai thác mỏ cạn kiệt, mà hầu hết các giải pháp kèm chế lạm phát đều có tính chất thắt chặt tiền tệ nên nó sẽ kìm chế giá bán lẻ lại và ngược lại sẽ giảm mạnh nhu cầu và gây suy thoái kinh tế.

Chính vì lý do trên nên trong cuộc hội thảo tôi đề nghị dùng cả chỉ số giá bán buôn để đánh giá mức độ lạm phát chính xác hơn. Trong y học người ta không bao giờ chỉ lấy nhiệt độ cơ thể để xác định bệnh. Chỉ số giá cả cũng giống như cái nhiệt kế, "nhiệt độ" của nền kinh tế. Nếu chỉ dùng chỉ số giá bán lẻ để đo mức độ lạm phát với lý do các nước người ta đều làm như thế thì quả thật đã coi nền kinh tế-cuộc sống của triệu người - không bằng một người bệnh. Lý do này quả thật là vô lý và vi phạm Thông kê Tài chính Quốc tế của IMF tất cả các nước đều có cả chỉ số giá bán lẻ và chỉ số giá bán buôn. Sách đã khuyến cáo không tính chỉ số giá cả để đo mức độ lạm phát cần loại trừ yếu tố thời vụ. Và IMF cũng chỉ dám hạ bút vì rằng chỉ số giá tiêu dùng thường được dùng để đo mức độ lạm phát. Ở nước nào cũng vậy, giá cả đi tăng mạnh trong dịp Tết và Noel, vậy mà thống kê chỉ số bán lẻ trong dịp này của rất nhiều nước đi không thấy biến động

áng kể. Có lẽ họ đã ứng dụng lời khuyên cáo của cuốn sách trên. Ở Mỹ trong chỉ số giá sản xuất (indice des prix de production-IPP) hay chỉ số giá bán buôn (Indice des prix de gros-IPG) mà IMF chỉ dẫn, người ta còn thống kê chi tiết; giá sản phẩm công nghiệp, giá thành phẩm, giá hàng tiêu dùng và giá thiết bị. Tôi cho rằng nếu chỉ số giá là tăng ao hơn chỉ số giá sản xuất đó là lạm phát thực sự, còn nếu nó tăng thấp hơn giá trị hàng hóa tăng do chi phí đẩy, chúng ta cần phân tích kỹ xem có hạn định làm về lạm phát để thất chặt tiền tệ đến kinh tế vào suy thoái không? Điều chứng minh là tuyệt đại bộ phận các giải pháp chống lạm phát được đưa ra dù là thuộc hóm tài chính, ngân sách, lãi cả, nhóm giải pháp tiền tệ, sản xuất hay cơ chế kinh tế đều nhằm cân bằng giữa khối lượng tiền thực lưu thông (Kt) và khối lượng tiền cần cho lưu thông (Kc). Như vậy trong điều kiện lạm phát nhẹ mà tăng giá trị hàng hóa và dịch vụ đưa ra lưu thông tăng lên, biểu hiện qua chỉ số giá sản xuất tăng nhanh hơn, chúng ta không nên thắt chặt tiền tệ chỉ vì chỉ số giá bán lẻ tăng lên. Làm như thế là không thấy Kc đã tăng lên do tổng giá trị hàng hóa và dịch vụ tăng nên cho phép tăng Kt. Khi đó chênh lệch giữa giá bán buôn và giá bán lẻ thu hẹp lại, làm giảm lợi nhuận hàng hóa và đẩy kinh tế tới suy thoái.

- Sự xâm nhập của giá quốc tế đẩy giá cả thấp trong nước lên, nếu chúng ta cũng coi đó là lạm phát thì thử hỏi giải pháp nào trong số các giải pháp đã được đưa ra có khả năng kiềm chế nó lại? Điển hình là giá nhà, đất ở Hồng Kông tới 10.000 USD/m², ở Tokyo còn cao hơn nữa, nên giá đất trong Thành phố lên tới 1 lượng hay 330 USD/m² thì đã thấm vào đâu. Indonesia đã bị tình trạng này vào cuối thập

niên 70 và có người gọi đó là "lạm phát nhập khẩu". Liệu các giải pháp chống lạm phát nội địa có chứa được "lạm phát nhập khẩu" không? Đó là những câu hỏi mà khoa học đặt ra cho chúng ta, không thể nào cứ theo những điều sẵn có trong một cuốn sách của một trường phái nào đó mà bốc thuốc lạm phát cho đất nước ta. Nhất là khi người ta đặt tên "Lạm phát giá cả" lại chỉ nêu nghi vấn tại sao một ngân sách bội thu hàng nhiều tỷ rupiah lúc đó mà vẫn lạm phát.

- Tiền lương vào năm 1993 sẽ tăng lên nhưng không phải là loại tăng vượt quá mức tăng năng suất lao động mà là việc đưa tiền lương dưới giá trị sức lao động lên gần đúng với giá trị của nó và còn xa mới tương đương với tiền lương trong khu vực. Tăng lương có thể đẩy chi phí lên cao và có thể đẩy chi số giá cả chung lên. Nếu cũng lại coi đó là lạm phát thì chắc chắn là các giải pháp chống lạm phát sẽ kèm giá bán lẻ lại trong khi không thể kèm được giá bán buôn. Sự nhầm lẫn cứ coi tăng giá là lạm phát khi đó sẽ dẫn tới suy thoái do lợi nhuận giảm, kéo theo đầu tư nước ngoài cũng giảm.

2. Về hiện tượng lạm phát kèm theo tình trạng thiếu tiền mặt

Quả thật đây là một nghịch lý, nhất là trong khi lạm phát đã được kéo về gần một con số trong năm 1992 và kể từ tháng 3 năm 1992, lạm phát đã ở mức một con số.

Chúng ta thử phân tích xem cái nghịch lý do đâu mà có. Tôi cho rằng cái nghịch lý này hoàn toàn do chủ quan: đó là vì tư duy thiên lệch chỉ thấy có tiền giấy trong lưu thông mà cho rằng tiền chuyển khoản (hay bút tệ) tăng lên bao nhiêu cũng không gây ra lạm phát (chuyển khoản là thanh toán không dùng tiền mặt). Chính tôi có thời kỳ đã từng giảng như vậy. Nhưng

rồi những hiện tượng thực tế và những lý thuyết tiền tệ hiện đại của kinh tế thị trường đã giúp tôi nhận ra sai lầm của mình.

- Khối lượng tiền giao dịch M1 hay khối lượng tiền thực tế lưu thông (Kt) bao gồm cả tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn vì thực tế mọi người mua hàng và thanh toán không phải chỉ bằng tiền mặt (tiền giấy) mà cả bằng chuyển khoản (bút tệ).

- Ngay thời kỳ trước năm 1989, nhiều ngân hàng tình cho vay bằng chuyển khoản để các công ty thương nghiệp chuyển vào TP.HCM mua hàng của các hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp và các HTX này phải rút ra bằng tiền mặt để mua nguyên liệu và trả công lao động, làm cho Ngân hàng TP.HCM luôn nợ các HTX này hàng 700-800 triệu tiền mặt (bằng hàng trăm tỷ hiện nay). Tự duy nói trên đã dẫn đến hành động chỉ thất chặt tiền mặt để chống lạm phát. Dẫn chứng là tỷ lệ tiền mặt so với M1 các năm đó được kéo xuống rất thấp: 43,4% năm 1987 và 44% năm 1988 (ở Thái Lan cùng thời kỳ là từ 65,4 đến 74,4%, theo IMF). Thất chặt tiền mặt nhưng lại thả cửa cho chuyển khoản (tiền gửi không kỳ hạn) đã dẫn tới mua bằng tiền mặt rẻ hơn mua bằng chuyển khoản từ 10 đến 15%. Năm 1989 lượng hàng hóa và dịch vụ trong lưu thông tăng lên nhiều lần sau chính sách khoán 10 và mở cửa thể hiện trong cuộc sống ở chỗ các cửa hàng rộng không đã được thay thế bằng vô vàn dãy phố đầy ắp cửa hàng. Chính điều này đã làm cho lượng tiền cần lưu thông (Kc) tăng lên cũng vài lần và cho phép phát hành tiền giấy ra gấp 2,7 lần trong năm 1989 mà lạm phát chuyển thành thiếu phát mất 7 tháng rồi bị tái lạm phát từ tháng 12/89 tạo thành chỉ số giá cả chung của năm 1989 chỉ có 34%. Tỷ lệ tiền mặt so với M1 năm đó lên tới

54,4% rồi 63,5% năm 1990 và hiện tượng thiếu tiền mặt đã biến mất. Đó là sự chứng minh cho nhận định nạn khan tiền mặt là do tư duy cũ thời quan liêu tri trệ đã chưa xóa bỏ hết.

- Sự chứng minh còn được tiếp diễn năm 1991 khi nạn thiếu tiền mặt lại tái diễn vào cuối năm và sai lầm thất chặt chỉ riêng tiền mặt lại xuất hiện với chủ trương mua đó-là bằng tiền mặt thì không có tiền nhưng bằng chuyển khoản lại sẵn tiền. Năm 1991 tiền mặt chỉ tăng 49% nhưng M1 lại có thể tăng tới 75% (số liệu tuyệt đối chưa được công bố tuy nhiên qua các tỷ lệ này cũng đủ thấy tiền mặt đã bị thất tới mức nào). Và tiền mặt chỉ khan hiếm khi nó bị thất chặt riêng.

Tư tưởng kèm chế riêng tiền mặt này lại cũng được một cố vấn nước ngoài đem giảng với tư tưởng tỷ lệ tiền mặt càng cao thì lạm phát càng nặng. Ông cố vấn này đã quên rằng ở nước Đức, tỷ lệ tiền mặt từ 33,8% năm 1984 đã tăng lên 34,2% năm 1989, gấp đôi của Pháp (14,9-16,4) nhưng tỷ lệ lạm phát của Đức lại chỉ có 7% so với 19% của Pháp trong suốt 5 năm đó. Khi nghe giảng tôi đã nêu thắc mắc, nhưng lời giải đáp trên bục giảng đã lan man sang lịch sử của công thức $MV=PQ$ và chứng minh là nó không thuộc bản quyền của Irving Fisher, có lẽ để khỏi phải trả lời thẳng vào thắc mắc. Tôi rất mong những cuộc hội thảo trên bục giảng như vậy sẽ biến thành hội thảo bàn tròn để cùng tìm ra chân lý qua việc trả lời các câu hỏi mà thực tế luôn luôn đặt ra cho chúng ta rất nóng bỏng.

Các bác sĩ trước một căn bệnh phức tạp của bệnh nhân đều họp nhau lại để hội chẩn rất kỹ. Rất mong đối với căn bệnh lạm phát, Nhà nước nên tổ chức nhiều cuộc hội thảo, hầu qua đó có thể tìm ra chân lý qua những ý khác nhau ♣